

Năm Toàn Xá – Thời Gian Trọn Vẹn Dành Cho Thiên Chúa Và Sống Công Bình Với Nhau - Phân Tích Bản Văn Lv 25, 8-17


Year of amnesty - A Year Dedicated to God and Righteous Coexistence Text Analysis of Lv 25, 8-17

Giuse-Tuân Vũ Chí Thành, S.J.^{1*}

¹ Học Viện Thánh Giuse Dòng Tên, Vietnam

* Email của tác giả liên hệ: vuchithanhsvjvn@gmail.com

 <https://orcid.org/0000-0001-9373-6399>

 <https://doi.org/10.54855/csl.22227>

Received: 11/03/2022

Revision: 28/03/2022

Accepted: 28/03/2022

Online: 28/03/2022

Tóm lược

Sách Lê-vi ghi lại những điều luật mà Thiên Chúa ban con cái Ít-ra-en để họ sống đúng giao ước, và nhờ đó họ cũng nhận ra sự thánh thiện của Ngài. Sự thánh thiện ấy còn được thể hiện qua việc Thiên Chúa muốn dân Ngài nên thánh. Chính vì ước muốn ấy mà Thiên Chúa ấn định cho dân Ngài những thời gian đặc biệt, cụ thể là Năm toàn xá (Lv 25,8-17). Trong năm toàn xá, dân Chúa được mời gọi sống tinh thần “một sa-bát trọn vẹn” để phụng thờ Thiên Chúa và phải trở về với những giá trị cốt lõi mà Thiên Chúa ấn định. Những giá trị cốt lõi ấy phải là điểm tựa và tác động đến mọi tương quan của dân, đồng thời linh hoạt chúng trở nên hài hòa.

Trong bài viết này, đầu tiên sẽ là phần phê bình bản văn Lv 25,8-17, và sức năng động cấu trúc của nó. Sau đó là phần phân tích bản văn xoay quanh chủ đề Năm toàn xá: (1) Năm toàn xá là thời gian thánh dành riêng cho Thiên Chúa; (2) Năm toàn xá là một “sa-bát trọn vẹn” để phụng thờ Thiên Chúa; (3) Năm toàn xá là thời gian phục hồi nền công bình mà Thiên Chúa muốn. Cuối cùng là phần suy tư phản tỉnh và liên hệ thực tế đến việc thực hành Năm toàn xá trong Giáo Hội Công Giáo.

Từ khóa: Năm toàn xá, kính sợ, Thiên Chúa, công bình, Luật, thời gian thánh

Abstract

The book of Leviticus contains the commandments that God provided to the children of Israel in order for them to live in accordance with the covenant and therefore accept His holiness. That holiness is also demonstrated through God's desire for his people to be holy. It is for this reason that God designates unique seasons for his people, namely the Jubilee Year (Lev 25:8-17). Throughout the Jubilee year, God's people are urged to live in the spirit of "one whole sabbath" in order to worship God and rediscover God's basic principles. These essential ideals must serve as the fulcrum, affecting all human connections while simultaneously flexing them toward harmony.

The first section of this paper will be devoted to a critique of the Lv 25.8-17 text and its structural dynamics. Then there is a textual examination of the Jubilee theme: (1) The Jubilee Year is a holy period dedicated to God; (2) The plenary year is a "full sabbath" of God worship; (3) The Jubilee Year is the time to restore God's desired justice. Finally, there is a study on and practical connection to the Catholic Church's Jubilee practice.

Keywords: Year of amnesty, Fear, God, Righteousness, Law, Holy Time

Dẫn Nhập

Bộ sách Lê-vi ghi lại những điều luật mà Thiên Chúa muốn con cái Ít-ra-en thi hành. Qua đó, Thiên Chúa cho dân thấy sự thánh thiện của Ngài. Sự thánh thiện ấy còn được thể hiện qua việc Thiên Chúa muốn dân của Ngài nên thánh. Chính vì ước muốn ấy mà Thiên Chúa sáng tạo cho dân những thời gian thánh, cụ thể là năm toàn xá trong đoạn sách Lv 25,8-17 mà chúng ta sẽ tìm hiểu. Trong thời gian này, dân Ít-ra-en được mời gọi dành thời giờ cho riêng Thiên Chúa, một “sa-bát” trọn vẹn để kính Thiên Chúa và trở về với những giá trị công bình Ngài mong muốn. Qua những việc ấy, dân thể hiện được lòng kính sợ Thiên Chúa của mình.

Trước khi phân tích nội dung chính của đoạn Lv 25,8-17, chúng ta cần xác định giới hạn và năng động của cấu trúc bản văn này.

Giới Hạn Và Sức Năng Động Của Bản Văn (Lv 25, 8-17)

Giới Hạn Bản Văn

Trong sách Lê-vi, sau các nghi thức lễ tế (chương 1–7), nghi lễ tấn phong tư tế (chương 8–10) và những luật về thanh sạch - ô uế (chương 11–17), các chương 18–25 nói đến những khoản luật về sự thánh thiện và các năm thánh; trước khi đề cập đến những lời chúc lành và nguyên rửa của Đức Chúa (chương 26) cũng như những phụ chú ở cuối sách (chương 27). Theo đó, đoạn Lv 25,8-17 chúng ta tìm hiểu nằm trong phần những khoản luật về sự thánh thiện và các năm thánh.¹

Nếu để ý cách riêng ở chương 25, chúng ta dễ dàng thấy những thay đổi về nội dung để tạo nên sự tách biệt của đoạn 8-17. Bởi lẽ, sau câu 1 nêu lại bối cảnh lệnh truyền của Chúa phán với Mô-sê trên núi Si-nai, từ câu 2 tới câu 7 rõ ràng nêu chỉ thị của Đức Chúa về năm sa-bát. Câu 8 lại như một bước chuyển khi đề cập việc tính thời gian gấp lên 7 lần 7 năm, chứ không còn nói về thời gian trong 1 năm nữa. Nội dung sau đó không còn bàn đến năm sa-bát mà chuyển sang nói về luật chung của năm toàn xá. Cũng như thế, nếu câu 17 còn nằm trong mạch văn những chỉ thị của Chúa trong việc thực hành luật năm toàn xá thì các câu 18-22 lại nói đến những hứa hẹn được sống yên hàn khi tuân giữ luật của Chúa truyền về cả năm sa-bát lẫn năm toàn xá, và sau đó nữa lại là nội dung khai triển những hướng dẫn cụ thể về việc chuộc đất, nhà và người liên hệ đến năm toàn xá. Như thế, bản văn chúng ta sắp tìm hiểu là một đoạn tách biệt, nội dung nói đến những chỉ thị chung của Chúa dành cho con cái Ít-ra-en về việc thực hành luật năm toàn xá.

Với việc xác định bản văn sẽ được tìm hiểu như thế, giờ đây chúng ta sẽ phân tích đôi chút về yếu tố nội tại xây dựng nên cấu trúc của bản văn ấy.

¹ Bối cảnh này khác với cách chia đoạn của nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ. Một cách cụ thể, ở phần các chương nói đến luật về sự thánh thiện và năm thánh, chúng ta dễ dàng đọc thấy 4 mảng nội dung thường được bắt đầu bởi câu của người kể: “Đức Chúa phán với ông Mô-sê: (1) Trước hết là những chỉ thị dành cho con cái Ít-ra-en cách chung: “Hãy nói với con cái Ít-ra-en,...” (chương 18–20). (2) Kế đến là những chỉ thị liên hệ đến hàng tư tế (chương 21–22). Tùy theo đối tượng của khoản luật nhắm tới mà Chúa sẽ nhắc đến một cách cụ thể, có khi khoản luật dành riêng cho tư tế: “Hãy nói với các tư tế, con của A-ha-ron,...” hay “Hãy nói với A-ha-ron, trong dòng họ của ngươi...”; nhưng cũng có khi khoản luật Chúa nhắm đến chủ yếu cho tư tế nhưng cũng có thể cho những người khác có liên hệ. Ở trường hợp sau, thường thì chúng ta sẽ thấy xuất hiện ở đầu điều khoản câu “Hãy nói với A-ha-ron, với con cái nó và toàn thể con cái Ít-ra-en,...”. (3) Sau đó là các chỉ thị cho toàn thể dân Ít-ra-en về thời điểm, lễ vật,... dùng trong việc tổ chức các ngày lễ trong năm để thờ phượng Đức Chúa (chương 23–24). (4) Cuối cùng, chương 25 ghi nhận những chỉ thị cho con cái Ít-ra-en về năm sa-bát (cc.1-7), năm toàn xá (cc.8-17) cũng như hệ quả của những năm ấy (cc.18-54).

Cấu Trúc và Sức Năng Động của Bản Văn

Không khó để chúng ta thấy được cấu trúc ba phần của bản văn Lv 25,8-17. Ba câu đầu (cc. 8-10) nói về cách tính thời gian, hình thức và nội dung chính cần công bố của năm toàn xá. Trong phần này, khung cảnh của năm toàn xá được mở ra tiệm tiến với việc thực hành nghi thức kèm theo, từ tổng quan tới cụ thể, từ một nhóm người (c. 8) tới toàn thể cộng đồng (c. 9). Câu cuối của phần này (c. 10) nêu bật cho chúng ta thấy nội dung chính yếu của năm toàn xá, một thời kỳ thánh và trở về với những giá trị công bình mà Thiên Chúa đã dành cho dân Ít-ra-en khi mới đặt chân vào vùng Đất Hứa này. Tất cả những nội dung ấy sẽ được khai triển cụ thể hơn ở hai phần còn lại.

Phần tiếp theo (cc. 11-12) là những mệnh lệnh cụ thể liên hệ đến nghỉ việc trong thời gian này. Trong đó, những mệnh lệnh nghỉ ngơi cũng chính là những điều luật phải được áp dụng trong năm sa-bát kính Thiên Chúa (c. 11) nhưng ở đây có tính triệt để hơn. Việc nghỉ ngơi trong năm này để thể hiện lòng kính sợ Thiên Chúa của dân. Chính điều này làm cho dân được thánh hóa. Dĩ nhiên, Thiên Chúa không để họ đói khát nhưng ban cho họ của ăn từ thiên nhiên (c. 12).

Cuối cùng (cc. 13-17) là phần nói đến sự công bình cần được phục hồi trong tương quan của con cái Ít-ra-en với nhau dựa trên nền tảng kính sợ Thiên Chúa. Trong năm này, “con cái Ít-ra-en trở về với phần sở hữu của mình” (c. 13), không chỉ về với vùng đất của tổ tiên mà còn về với giá trị công bình của những công dân tự do trong lãnh thổ Đất Hứa. Điều đó sẽ được thể hiện khi dân dùng tiêu chuẩn năm thánh toàn xá để ngã giá mua bán với nhau (cc. 14-16). Chính bởi lòng kính sợ Thiên Chúa mà dân sẽ không coi đây là một thiệt thòi nhưng là sự hy sinh hầu được Thiên Chúa chúc lành, thánh hóa (c. 17).

Những Chú Ý Sơ Khởi

Trước khi đi vào phân tích bản văn, chúng ta cần phải xác định rõ ràng rằng nội dung đoạn Kinh Thánh Lv 25,8-17 có rất nhiều hướng phân tích. Tuy nhiên, vì giới hạn của bài, người viết chỉ cố gắng tập trung trình bày ý tưởng rút ra từ bản văn để cho thấy năm toàn xá là thời gian thánh dành riêng cho Thiên Chúa và là thời gian để dân sống trung thành, tin tưởng trọn vẹn vào điều Chúa truyền dạy.

Dù sao đi nữa, câu hỏi chúng ta cần phải đề cập trước khi đi vào phân tích bản văn về năm toàn xá là tại sao cần có năm toàn xá? Bài viết không có tham vọng giải quyết vấn đề này một cách rốt ráo, nhưng thiết nghĩ, chúng ta cần xác định rằng sau khi những con người đầu tiên sa ngã, các mối tương quan của con người bị đổ vỡ và sự thánh thiện vì được gặp gỡ, ở bên Thiên Chúa cũng mất đi.² Thế nhưng, xuyên suốt dòng lịch sử cứu độ, Thiên Chúa vẫn yêu thương con người. Một cách cụ thể, Thiên Chúa đã truyền cử hành năm toàn xá để con cái Ít-ra-en nhờ kính sợ Thiên Chúa, tuân giữ luật mà được Chúa thánh hóa, được sống tự do và hòa hợp công bình.

Với lưu ý vừa nêu, giờ đây chúng ta bước vào phân tích về ý nghĩa của năm toàn xá.

² “Nghe thấy tiếng Đức Chúa là Thiên Chúa đi dạo trong vườn lúc gió thổi trong ngày, con người và vợ mình trốn vào giữa cây cối trong vườn, để khỏi gặp mặt Đức Chúa là Thiên Chúa. Đức Chúa là Thiên Chúa gọi con người và hỏi: ‘Người ở đâu?’ Con người thưa: ‘Con nghe thấy tiếng Ngài trong vườn, con sợ hãi vì con trần truồng, nên con lẩn trốn.’” (x. St 3,8-10).

Phân Tích Bản Văn

Năm Toàn Xá – Thời Gian Thánh Dành Riêng cho Thiên Chúa (cc. 8-10)

Khác với mọi thời khắc của cuộc sống, năm toàn xá là thời gian được dành riêng cho Thiên Chúa. Trong năm này, bầu không khí thánh thiêng quy hướng về Thiên Chúa được thể hiện rõ nét trong cách tính thời gian phụng tự, trong mọi hoạt động nghi lễ mà dân Ít-ra-en dâng lên Thiên Chúa. Thời gian tách biệt, dành riêng cho Chúa như thế mang ý nghĩa: để thánh hiến mọi sự cho Thiên Chúa.

Ngay câu 8, chúng ta thấy rằng Thiên Chúa đã xác định cách tính thời điểm cho năm toàn xá. Danh xưng của năm này mãi đến câu 10 mới được nói rõ. Thiên Chúa ấn định 7 lần 7 là 49 năm. Những con số này cho chúng ta liên tưởng tới sự mở rộng ý nghĩa của ngày sa-bát mà chúng ta sẽ bàn cụ thể hơn ở phần tiếp theo của bài. Sự kiện gắn với con số 7 nếu được gán cho ý nghĩa chỉ sự thánh thiện, toàn vẹn thì ở đây, “bảy lần bảy” ám chỉ tới một điều gì đó cực kỳ thánh thiện. Thời gian năm toàn xá được tính theo bội số của 7 cho thấy rằng mọi thời khắc và hoạt động của dân Ít-ra-en trong năm này đều là để đặc biệt dâng hiến cho Thiên Chúa.³

Hơn nữa, Thiên Chúa còn định cụ thể ngày 10 tháng 7, tức ngày Xá Tội, là thời điểm để công bố sự kiện đặc biệt này (c. 9). Việc định rõ thời gian như thế cho ta thấy một sự tách biệt để thực thi huấn lệnh của Thiên Chúa. Việc tách riêng cho Thiên Chúa chính là hướng đến sự thánh thiện, thuộc về Chúa như điều được thấy trong Lv 20,26. Ngày lễ ấy cũng có thể coi là ngày trọng đại nhất của năm, khi thượng tế tiến vào nơi cực thánh của Đền Thờ để thực hiện nghi lễ xin Thiên Chúa xá tội cho mình và cho dân. Tuy nhiên, ý nghĩa của Ngày Xá Tội trong năm toàn xá không nhấn mạnh đến yếu tố xin Thiên Chúa tha thứ cho những vi phạm lề luật mà dân đã không thể chu toàn, nhưng nhấn mạnh đến chiều kích xin phục hồi giá trị của dân thánh.

Bỏ qua những tranh luận chưa ngã ngũ của các nhà chuyên môn về thời gian bắt đầu và kết thúc của năm toàn xá, chúng ta dễ nhận thấy rằng nội tại câu 9 có sự song đối với nội hàm mở rộng về thời gian. “Tháng thứ 7, ngày mồng 10 trong tháng” có thể được hiểu là ý nghĩa thời gian của nhân loại nhưng “ngày Xá Tội” lại mang một ý nghĩa linh thánh vì nội hàm được đặt trong tương quan với Thiên Chúa. Qua đó, chúng ta thấy thời gian năm toàn xá này được con cái Ít-ra-en dâng lên Thiên Chúa để được thánh hiến thuộc về riêng Ngài. Về hình thức, cả hai vế của câu 9 đều cho ta thấy rằng sự kiện năm toàn xá bắt đầu bằng việc thổi tù và.⁴ Đây cũng là điều làm nên cái tên của năm toàn xá. Bởi lẽ, trong tiếng Do Thái, hạn từ năm toàn xá được chuyển ngữ từ יובל (yobel), có nghĩa là kèn tù và làm bằng sừng dê, loại kèn dùng để báo hiệu sự kiện trọng đại theo truyền thống Do Thái và ở đây được dùng để công bố năm toàn xá. Thực ra, tù và được dùng trong những sự kiện lớn khác nhau: để báo chiến tranh, để báo triệu tập dân cho những cuộc hội họp. Tuy nhiên, dựa vào tương quan thánh thiêng giữa con cái Ít-ra-en với Thiên Chúa, tiếng tù và báo hiệu năm toàn xá mang cùng một ý nghĩa với tiếng tù và

³ Richard S. Hess, “Leviticus”, in *The Expositor's Bible Commentary* 1, edited by Tremper Longman III and David Garland (Michigan: Zondervan, 2008), 850.

“Thus all the time units that the Israelites use to measure their lives, from the week to a cycle of fifty years, include specially marked periods within them that are to be devoted to God.”

⁴ Kinh Thánh không nói rõ là ai sẽ thổi hiệu tù và báo hiệu năm toàn xá. Tuy nhiên, vì trong bầu khí linh thánh, chúng ta có quyền tin rằng vị thượng tế (hoặc tư tế được ủy quyền trong trường hợp cần thiết) sẽ là người thổi nó. Một điều khiến ta có thể chấp nhận ý nghĩ này là vì họ đóng vai trò trung gian giữa Thiên Chúa và dân. Hơn nữa, điều đó cũng ám hợp trong bối cảnh Lc 4,16-30, khi cho thấy chính Đức Giê-su, vị thượng tế đích thực, là người đã công bố tin vui năm hồng ân của Thiên Chúa.

trong Xh 19,13, dấu hiệu cho biết thời khắc thánh khi mà dân được phép tiến lên núi Sinai để gặp và ký kết giao ước với Thiên Chúa.⁵

Bên cạnh đó, chúng ta cũng nên chú ý rằng trong câu 9, nội hàm chỉ không gian thay đổi làm đối tượng năm toàn xá được nổi rõ hơn. Ở về đầu, bản văn ghi nhận: kèn được thổi “giữa tiếng hò reo”, diễn tả một nhóm người vui vẻ nhưng không rõ số lượng; còn ở về sau thì nói rõ rằng kèn được thổi “trong toàn xứ”, tức là tin được báo tới mọi thành phần trong dân, không trừ bất cứ ai. Có thể nhận xét như nhà thần học J. Wesley, đây quả là một tin tốt lành liên hệ đến mọi người, rất hợp với bối cảnh ngày lễ Xá Tội, khi mà dân ăn chay hãm mình để xin Chúa tha thứ tội lỗi của họ và phần nào đỡ bớt xứng hơn trước nhan Thiên Chúa.⁶

Rõ ràng, bầu khí của dân mà chúng ta có thể cảm nghiệm thấy là một không gian thánh thiêng và vui vẻ. Để dễ ý thấy rằng thời gian tính của năm là con số biểu trưng cho sự thánh thiện với hội kèn tù và báo hiệu một sự kiện thánh; đối tượng nhận lời công bố là dân thánh được Chúa ban lời hứa và không gian áp dụng những điều được công bố cũng là trong vùng đất thánh. Đặc biệt, nội dung được công bố cũng là về năm thánh, thời khắc mà con cái Ít-ra-en được tự do và trở về với sở hữu của mình để có thể tôn kính Thiên Chúa trong vui mừng và tự hào là những người được chính Chúa cứu thoát khỏi cảnh nô lệ. Đó cũng là niềm vui “giữa tiếng hò reo” (c. 9) của những con người được ban cơ hội làm lại cuộc đời. Tất cả những điều đó cho thấy một bầu khí thánh thiêng, háo hức vui mừng trong thời gian con cái Ít-ra-en được dành riêng để tôn thờ Thiên Chúa.

Cũng trong tương quan với Thiên Chúa, nội dung câu 10 cho chúng ta thấy rằng một khi con cái Ít-ra-en tuân giữ những điều luật thánh thiện của năm toàn xá, Thiên Chúa sẽ thánh hóa họ và cho họ được phục hồi quyền sở hữu của những con người tự do. Về cấu trúc của câu 10, chúng ta nhận thấy có 2 phần nội dung: mệnh đề đầu (c. 10a-b) nói về tương quan giữa con cái Ít-ra-en với Thiên Chúa, được xác định bởi những cặp từ “công bố”, “năm thánh” và “tuyên cáo”, “lệnh ân xá”; mệnh đề sau (c. 10c) bàn đến tương quan của dân với của cải, thiên nhiên và với nhau, trên nền tảng tác động của năm toàn xá, thời gian thánh đặc biệt quy hướng về phụng thờ Thiên Chúa. Điều này sau đó sẽ được khai triển rõ hơn ở những câu (cc. 11-16). Cũng chính vì vậy mà nó đóng vai trò như câu chuyển tiếp, móc nối với ý của những câu kế tiếp.

Quay lại mệnh đề đầu của câu 10, chúng ta thấy những cặp hạn từ đối xứng vừa đề cập ở trên lại tạo nên 2 phần nhỏ hơn: phần thứ nhất (c. 10a), “công bố năm thứ 50 là năm thánh”; và phần thứ hai (c. 10b), “tuyên cáo lệnh ân xá”. Ở phần thứ nhất này, chúng ta dễ ý thấy rằng việc công bố là việc của con người, được thực hiện giữa nhóm người với nhau. Ngoài ra, hạn từ “năm thánh” cho chúng ta cái nhìn với chiều kích hướng thiên. Khi nói đến sự thánh thiện là nói đến điều thuộc về Thiên Chúa. Theo đó, năm thánh là thời gian dân Ít-ra-en dành cho Chúa, sống cho Chúa, làm mọi sự theo thánh ý của Người. Đối lại, phần sau của mệnh đề lại

⁵ Nhà thần học người Anh, Charles Simeon, còn chú giải thêm rằng bởi vì dân Ít-ra-en đã quên mất quyền thừa kế lời hứa từ Thiên Chúa nên tiếng kèn cũng là tiếng cảnh tỉnh, báo cho họ nhận thức lại vấn đề này; với đoạn: “It was but too probable, that they, who had alienated their inheritance and reduced themselves to the lowest ebb of misery, might sink into such a state of ignorance or indolence, as to let the period appointed for their restoration pass unnoticed. To prevent this, God commanded the trumpets to be sounded throughout all the land; that so the attention of all being awakened, and their spirits exhilarated, every individual might be stirred up to claim the privileges to which he was entitled.” (C. Simeon, “Genesis to Leviticus”, in *Horae Homileticae* 1 (London: Samuel Holdsworth, 1832), 669.)

⁶ x. J. Wesley, “Leviticus”, in *Wesley's Notes* (Albany, New York: Logos Library System, 1999), Ages Software.

“In the day of atonement-A very fit time, that when they fasted and prayed for God's mercy to them in the pardon of their sins, then they might exercise their charity to men in forgiving their debts.”

cho chúng ta một cái nhìn hướng từ trên xuống. Điều đó có nghĩa là, hạn từ “tuyên cáo” là việc thông báo một phán quyết của Bề Trên dành cho bề dưới; hơn nữa, đây là một phán quyết ban “lệnh ân xá”, một thứ mà chỉ Vị có thẩm quyền mới có thể đưa ra. Lệnh ân xá này là cho “mọi người sống tại đó” để nhấn mạnh rằng Thiên Chúa không bỏ rơi hay phân biệt đối xử với bất kỳ ai trong con cái Ít-ra-en. Với hai chiều kích tương quan hướng từ con người lên Thiên Chúa và ngược lại như thế, chúng ta thấy rằng năm toàn xá là sáng kiến của chính Thiên Chúa và con cái Ít-ra-en sẽ được thánh hóa nếu trung thành làm theo những lời dạy của Chúa.

Bên cạnh đó, đặc ân của năm toàn xá mà Thiên Chúa ban cho dân Ít-ra-en là được quay trở về với phần sở hữu của mình và trở về với dòng họ của mình (c. 10c), (Ds 26,52-56; 33,54). Hạn từ “trở về” gọi cho chúng ta liên tưởng tới việc quay lại tình trạng tương quan hòa hợp của con người với Thiên Chúa và các loại thụ tạo khác trước khi bị tan vỡ bởi tội. Sự quay về với phần sở hữu để có lại được những gì mình từng có, cả về người lẫn của; và quay về với dòng họ để có lại được tình trạng tự do của những người được thừa kế lời hứa của Thiên Chúa. Tuy nhiên, sự trở về này mang chiều kích nền tảng, chính là quay lại với tình trạng Ít-ra-en ban đầu,⁷ sau nhiều xáo trộn chính trị và xã hội, để cho thấy giá trị cốt lõi của dân là trở nên thánh thiện như Thiên Chúa mong muốn. Sự thánh thiện ấy được diễn tả qua những lệnh truyền của năm toàn xá, một thời gian nghỉ để kính Thiên Chúa, một sự mở rộng ý nghĩa sa-bát nhưng nội hàm vượt trội hơn hẳn ngày và năm sa-bát.

Năm Toàn Xá – Thời Gian Nghỉ “Sa-Bát Trọn Vẹn” để Kính Thiên Chúa (cc. 11-12)

Các câu 11-12 là lời Thiên Chúa phán riêng cho con cái Ít-ra-en,⁸ đề cập trực tiếp đến tương quan giữa họ và thiên nhiên để cho thấy rằng thời gian năm toàn xá là thời kỳ nghỉ ngơi hoàn toàn để hướng về đời sống thánh thiện, tức là thời gian hội họp mừng kính Thiên Chúa và nhờ vậy mà được Ngài thánh hóa. Theo đó, những điều khoản cần tuân giữ được đề cập ở đây cũng chính là bản rút gọn của luật về năm sa-bát nhưng rõ ràng mức độ kính sợ Thiên Chúa nơi dân Ít-ra-en lại được được đòi hỏi triệt để, trọn vẹn hơn. Đó sẽ là thời gian nghỉ “sa-bát trọn vẹn” để kính Thiên Chúa.

Trước tiên, hai câu này cho chúng ta thấy rằng con cái Ít-ra-en dành thời gian kính Chúa để được Ngài thánh hóa. Hệ quả của việc này chính là thiên nhiên sẽ hòa hợp với dân và đem lại cho họ của ăn như đã đem cho A-đam, E-và trước khi hai ông bà phạm tội. Về cấu trúc nội dung, hai câu 11-12 được cấu thành bởi 4 yếu tố: lời Thiên Chúa chỉ dành cho con cái Ít-ra-en (c. 11a); hành vi dân Người phải làm cho thiên nhiên trong năm toàn xá (c. 11b); sự tác động của năm toàn xá (c. 12a) và hướng dẫn của Chúa cho dân lấy của ăn từ thiên nhiên (c. 12b). Như vừa đề cập, phần đầu của câu 11 là lời Chúa phán riêng cho dân Ít-ra-en để họ ý thức rằng “năm thứ 50 là thời kỳ toàn xá”. Ngay sau đó, Thiên Chúa hướng dẫn cho họ biết phải làm gì vào thời gian đặc biệt này: không gieo giống, không gặt lúa tự nhiên, không hái trái cây mà mình không có công cấy tía. Đó thực ra là những thánh chỉ của năm sa-bát đã được Chúa truyền trước đó (x. Xh 23,10-11; Lv 25,4-7) và được đề cập lại ở (Đnl 15,1-6). Việc nghỉ ngơi là để dâng trọn vẹn thời gian cho phụng thờ Thiên Chúa, kính nhớ việc Chúa sáng tạo trong sáu ngày và nghỉ ngày thứ bảy; cũng như nhớ về việc Chúa giải thoát dân khỏi cảnh nô lệ ở Ai Cập. Do đó ở câu 12a, Thiên Chúa xác định cho dân Ít-ra-en rằng đây là thời gian toàn xá, một năm thánh đối với họ. Yếu tố can thiệp của năm toàn xá ở đây giải thích lý do tại sao dân Ít-ra-en

⁷ x. John H. Sailhamer, *The Pentateuch as Narrative: A Biblical Theological Commentary* (Michigan: Zondervan, 1992), 361.

"By the appointment of the year of jubilee, ... the kingdom of Israel to be brought back to its original condition."

⁸ Điểm đặc biệt ở đây là: vì với Thiên Chúa, con người có một giá trị cao vượt trên thiên nhiên (St 1-3) nên ở đây, Ngài chỉ phán riêng cho dân Người chứ không phán cho thiên nhiên.

không được gieo vãi, cũng không được thu hoạch những thứ mình không bỏ công chăm sóc. Đơn giản vì đó là một năm thánh, thời gian ngưng việc để kính Thiên Chúa. Đối lại, ở câu 12b, Thiên Chúa quan phòng đã hướng dẫn dân Người hưởng dùng của ăn là hoa lợi từ đồng ruộng đem lại.⁹ Tức là, nếu dân Ít-ra-en biết tuân giữ luật nghỉ năm toàn xá, một biểu hiện thần phục Thiên Chúa, thì Người sẽ thánh hóa năm ấy và cho ruộng đồng, thiên nhiên hòa hợp với họ để sinh hoa trái cho họ đủ dùng như đã sinh hoa trái cho A-đam và E-và trước khi ông bà sa ngã, như được nói rõ hơn ở (Lv 25,21).

Bên cạnh đó, hai câu 11-12 này cũng cho thấy tương quan vượt trội của năm toàn xá so với ngày và năm sa-bát. Tất cả ngày, năm sa-bát và năm toàn xá đều có điểm chung là nghỉ ngơi để dành trọn vẹn thời gian cho việc kính thờ, ngợi khen Thiên Chúa. Việc nghỉ lễ mang ý nghĩa kính Thiên Chúa vì Ngài đã nghỉ ngơi vào ngày thứ bảy và thánh hóa ngày này sau 6 ngày tạo dựng vũ trụ; cũng như để ngợi khen Thiên Chúa vì Ngài đã ra tay hùng mạnh cứu dân khỏi cảnh nô lệ bên Ai Cập mà ban Đất Hứa làm gia nghiệp cho con cái Ít-ra-en. Một trật, khi tuân giữ luật sa-bát, dân Ít-ra-en vừa hăm dẹp được lòng tham lam tích trữ làm giàu và hiểu giá trị của nghỉ ngơi, vừa thể hiện lòng kính sợ và biết ơn Thiên Chúa của mình. Do đó mà sa-bát trở thành trung tâm của các bộ luật và của cả đời sống con cái Ít-ra-en.

Tuy nhiên, nội dung bộ luật về ngày sa-bát, năm sa-bát và năm toàn xá khác biệt nhau với cấp độ đòi hỏi lòng tin. Nói về ngày sa-bát, Thiên Chúa truyền nghỉ việc để họp nhau kính thờ Thiên Chúa (x. Xh 5,4; 16,1-30; 23,12; 32,12-17; Lv 23,3), cho gia súc, tôi tớ, ngoại kiều nghỉ ngơi và nhờ đó mà được Ngài thánh hóa. Đến năm sa-bát, Thiên Chúa truyền một cách cụ thể hơn những việc cần tuân giữ: không gieo, gặt; không cắt tỉa, thu hái nhưng để đất nghỉ và sản phẩm tự nhiên của đất dành cho tất cả mọi người, cho cả thú vật (x. Xh 23,10-11; Lv 25,1-7). Điều này đòi buộc lòng tin tưởng vào Thiên Chúa nơi con cái Ít-ra-en. Bởi lẽ, không gieo vãi tức là dân cũng không có gặt hái, không tích trữ thêm hoa màu, của cải. Họ phải tập chia sẻ hoa màu với người nghèo khổ và hăm dẹp những ước muốn tham lam tích trữ của cải nơi mình, một bài học từ cha ông của họ khi thu lượm man-na trong sa mạc (x. Xh 16,19-21).

Xét trong tương quan với năm sa-bát thì năm toàn xá này cũng là thời kỳ nghỉ ngơi, một sự mở rộng ý nghĩa của “sa-bát” kính Đức Chúa, nhưng mức độ đòi hỏi lòng tin của dân bị đòi buộc nhiều hơn. Chính việc nghỉ ngơi để chú tâm vào thờ phượng Thiên Chúa, đồng thời cũng cho đất và nhân công nghỉ ngơi hồi sức, để người nghèo và ngoại kiều được bình đẳng chung hưởng những sản phẩm của thiên nhiên, làm nên sự thánh thiện và được Thiên Chúa thánh hóa. Tuy nhiên, chúng ta cần để ý rằng, năm toàn xá nằm ngay sau một năm sa-bát, câu hỏi đặt ra là liệu dân sẽ lấy gì để ăn bởi năm trước đó đã không gieo giống vì áp dụng luật năm sa-bát? Mặc dù Thiên Chúa đã hứa quan phòng cho hoa lợi của năm gặt hái cuối trước khi nghỉ năm sa-bát đủ dùng tới 3 năm liền (x. Lv 25,21) nhưng điều đó rõ ràng đòi con cái Ít-ra-en thực sự đặt trọn niềm tin tưởng vào Thiên Chúa.

Hơn nữa, quay trở lại câu 10c, chúng ta thấy một chiều kích vượt trội khác của năm toàn xá so với ngày và năm sa-bát. Rõ ràng luật ngày sa-bát chưa xuất hiện điều khoản về việc tha nợ và trả tự do cho người đồng bào. Đến năm sa-bát, những yếu tố ấy xuất hiện (x. Lv 25,1-7) với sự giải thích rõ hơn trong Đnl 15,1-6; 12-18. Theo đó, những món nợ giữa con cái Ít-ra-en với nhau sẽ được tha, không bị đòi và mỗi nô lệ là người Ít-ra-en sẽ được tự do vào năm thứ 7

⁹ x. Robert Jamieson, “Leviticus”, in *Commentary Critical and Explanatory on the Whole Bible* (Grand Rapids: Christian Classics Ethereal Library, 1871), 368.

“All that the ground yielded spontaneously during that period might be eaten for their necessary subsistence.”

này.¹⁰ Tuy nhiên, đối với năm toàn xá, con cái Ít-ra-en không những “được đòi buộc” chủ động tha nợ hoàn toàn cho anh em mình, mà còn trả cả tự do cho nô lệ là người đồng bào lẫn đất đai cho những anh em là chủ chính thức của nó, được phân chia khi con cái Ít-ra-en vừa mới vào vùng đất được hứa ban này.¹¹ Điều này thật khó thực hiện. Do vậy, năm toàn xá đòi hỏi lòng tin vào Thiên Chúa của con cái Ít-ra-en hơn hẳn ngày và năm sa-bát.

Có thể nói, năm toàn xá là dịp để con cái Ít-ra-en thể hiện lòng kính sợ Chúa bằng cách giúp nhau “trở về với phần sở hữu, trở về với dòng họ” của mình, tức là phục hồi tình trạng tự do của dân được Thiên Chúa giải thoát khỏi cảnh nô lệ, về với sự công bình của những người được Chúa dựng nên và chọn làm dân riêng. Điều này sẽ được khai triển ở nội dung các câu 13-17 tiếp theo sau.

Năm Toàn Xá – Thời Gian Phục Hồi Công Bình và Kính Sợ Thiên Chúa (cc. 13-17)

Trong năm toàn xá, Thiên Chúa nhắc nhở dân Ít-ra-en phải biết đối xử công bình với nhau trên nền tảng kính sợ Thiên Chúa. Theo đó, năm toàn xá trở nên thước đo tiêu chuẩn để định giá thành trong việc mua bán giữa dân để tránh làm thiệt hại nhau.

Ở câu 13, lời Thiên Chúa phán được xác định là cho mỗi con cái Ít-ra-en. Thiên Chúa ban luật cho mỗi người được trở về với phần sở hữu của mình. Điều khoản này lặp lại nội dung câu 10c, cho phép mỗi người sống liên đới, có trách nhiệm công bình với người khác. Theo đó, mỗi người sẽ nhận lại những gì là của mình trước đây, kể cả người và sự vật; kéo theo đó là một tương quan hài hòa với nhau.

Tương tự như 4 thành phần trong cấu trúc các câu 11-12, chúng ta cũng thấy có 4 yếu tố trong cấu trúc mạch văn các câu 13-16: lời Thiên Chúa dành cho mỗi con cái Ít-ra-en (c. 13); hành vi dân Người phải làm cho nhau trong năm toàn xá (c. 14); sự tác động của năm toàn xá (c. 15) và hướng dẫn của Đức Chúa cho dân để sống liên đới công bình với nhau (c. 16). Vấn đề cao giá trị của con người trong số các thụ tạo, lời Chúa phán ở câu 13 được dành cho mỗi con cái Ít-ra-en, không có sự loại trừ nào. Thiên Chúa muốn con cái Ít-ra-en phải sống liên đới và công bằng với nhau khi phán bảo mỗi người không được làm thiệt hại người khác trong mua bán, trao đổi phần sở hữu vào năm toàn xá. Đồng quan điểm này, Adam Clarke, thần học gia người Ai-len, còn cho rằng “thật không hơn gì kẻ cướp nếu việc mua không đúng mức giá so với giá trị của phần sở hữu và bán vượt quá mức giá tương ứng với giá trị thực của phần sở hữu ấy”.¹² Phần sở hữu ở đây có thể là sự vật như đất đai, nhà cửa (x. Lv 25, 23-34) hoặc cũng có thể là người, sức lao động (x. Lv 25, 35-55).¹³ Một điều đáng chú ý là đối tượng mà các câu 13-16

¹⁰ Còn nhiều tranh luận chưa ngã ngũ về vấn đề: liệu điều khoản trả tự do cho nô lệ Do Thái vào năm thứ 7 phục vụ có đồng thời là khoản trả tự do cho họ vào năm sa-bát hay không. Dù sao đi nữa, luật Năm Sa-bát (Xh 21, 1-11 và Đnl 15, 12-18) rõ ràng đề cập đến việc phóng thích nô lệ là người Do Thái.

¹¹ Ở đây, chúng ta cũng thấy rằng con cái Ít-ra-en được nhắc nhở việc trả đất, cho đất nghỉ, cũng là trả lại vị thế cho đất của Thiên Chúa. Vì đất là của Thiên Chúa nên dân chỉ có quyền quản lý thôi (Lv 25, 23). Đất có lẽ được trả lại vào dịp năm thánh theo hồ sơ đất của dân trong Ds 32, 34-36 và (Đnl 14, 22-29) có nói thêm về phần liên hệ tới các thầy Lê-vi.

¹² A. Clarke, Lv 25:8, “Leviticus”, in *Clarke’s Commentaries* (Albany, New York: Logos Library System, 1999), Ages Software. “For he that buys an article at less than it is worth, or sells one for more than it is worth, taking advantage in both cases of the ignorance of the vender or buyer, is no better than a thief, as he actually robs his neighbour of as much property as he has bought the article at below or sold it above its current value.”

¹³ Thực vậy, điều con cái Ít-ra-en sở hữu có thể là vật, quyền quản lý đất đai hay chính thân thể mình. Khi nghèo túng, người ta phải vay nợ. Nếu nghèo hơn nữa thì phải bán đồ đạc hay cầm cố đất đai đi để có chút tiền qua ngày. Như thế, một người nghèo đến mức không còn đồ đạc, quyền quản lý đất đai thì chỉ còn cách bán mình làm nô lệ mà thôi. (x.

muốn đề cập tới ở đây. Chúng ta thấy rằng hạn từ עַמִּיתָךְ (gốc từ עַמִּית) được dùng trong câu 14 và lặp lại ở các câu 15, 17 chỉ mang nghĩa là người lân cận, cùng sống xung quanh.¹⁴ Hạn từ này đã xuất hiện 9 lần trong sách Lê-vi hoàn toàn với những điều luật Thiên Chúa quy định cho dân Người trong cách hành xử đối với nhau.¹⁵ Như thế, một mặt, bối cảnh lời Thiên Chúa phán với dân Người cho chúng ta hiểu rằng עַמִּית ám chỉ đến con cái Ít-ra-en; mặt khác, chúng ta cũng phải thừa nhận rằng điều khoản này cũng có tác động đến những người ngoại kiều hay khách trọ cư ngụ trong vùng đất của dân Ít-ra-en, như sẽ thấy ở (Lv 25, 47-55).

Trên nguyên tắc không làm thiệt hại nhau, Thiên Chúa đã cho con cái Ít-ra-en một tiêu chuẩn để xác định giá trị của phần sở hữu. Đó chính là năm toàn xá. Theo mốc năm toàn xá để tính, dân Ít-ra-en sẽ định giá phần sở hữu của một người theo khoảng thời gian tính từ năm toàn xá trở đi. Như thế, năm toàn xá đã chi phối đến việc trao đổi, mua bán của dân Ít-ra-en. Một cách cụ thể hơn, Thiên Chúa đã hướng dẫn dân Người phải thực hành quy tắc mua bán: “còn nhiều năm (theo số năm sau năm toàn xá) thì người mua giá cao, còn ít năm thì người mua giá thấp”. Điều này đảm bảo được sự công bằng cho cả người bán lẫn người mua, tức là giá mua luôn được điều chỉnh phù hợp với giá trị sử dụng của cái đem bán. Hơn thế, việc áp dụng sự chi phối của năm toàn xá, một năm thánh kính Đức Chúa, cũng cho thấy sự quy thuận của con cái Ít-ra-en đối với Thiên Chúa của họ.

Khi quy thuận theo nguyên tắc sống mà Thiên Chúa đưa ra cũng là lúc con cái Ít-ra-en cũng để Chúa là trung gian chi phối các tương quan của họ. Ngay cả trong buôn bán, con cái Ít-ra-en không gây thiệt cho nhau vì lòng kính sợ Thiên Chúa, và ý thức rằng mọi con cái Ít-ra-en đều có sự bình đẳng như nhau trước mặt Thiên Chúa. Chính điều đó làm nên ý nghĩa sự thánh thiện trong thái độ sống này của dân.¹⁶ Mỗi người vì lòng kính sợ Thiên Chúa sẽ phải hy sinh hãm dẹp lòng tham muốn của cái của mình mà chỉ mua, bán đúng với giá trị của vật hay sức lao động được đem trao đổi. Chính bởi lòng kính sợ Thiên Chúa như thế mà con cái Ít-ra-en không coi đó là một thiệt hại nhưng được làm với sự tự hào của dân được Chúa chọn. Làm như thế, những khả năng đổ vỡ tương quan giữa người với người vì thiếu công bằng, thiếu liên đới sẽ biến mất. Nói cách khác, trong năm toàn xá, Thiên Chúa cho dân Người biết phải sống công bình vì chính lòng kính sợ Chúa thể nào để hệ quả kéo theo là nối lại những tương quan đã đổ vỡ.

Cuối bản văn chúng ta đang tìm hiểu là một lời nhắc nhở của Thiên Chúa: “Không ai trong các người được làm thiệt hại người đồng bào¹⁷, nhưng các người phải kính sợ Thiên Chúa của các người, vì Ta là Đức Chúa, Thiên Chúa của các người.” (c.17). Nếu đọc kỹ, chúng ta dễ nhận thấy câu 17 có nội dung không phải là một lời đe dọa nhưng là một lời nhắc nhở một cách khẩn thiết. Thiên Chúa thực sự muốn con cái Ít-ra-en sống liên đới, công bình với nhau. Một lần nữa, hai hạn từ “làm thiệt hại” và “người lân cận” (יָנֵה וְעַמִּית) được nhắc lại. Điều này như

Nguyễn Công Đoan, “Sự Công Bằng Về Đất Đai Trong Cựu Ước”, trong *Hợp Tuyển Thần Học* 51 (Hà Nội: Tôn Giáo, 2017), 167-168.)

¹⁴ x. J. E. Hartley, “Leviticus”, in *Word Biblical Commentary* (Dallas: Word Incorporated, 2002), 418.

“Keil and Delitzsch understand the sg suffix on עַמִּיתָךְ, ‘your fellow countryman,’ to have distributive force, i.e., for any particular Israelite.”

¹⁵ Lv 5,21; 18,20; 19,11.15.17; 24,19; 25,14.15.17.

¹⁶ x. George Angus Fulton Knight, “Leviticus”, in *The Daily Study Bible Series* (Louisville: Westminster John Knox Press, 2001), 152.

“Why should the transaction be just? The answer comes in two sentences: (a) ‘You shall fear your God’, and (b) ‘For I am the Lord your God’.”

¹⁷ Người viết thiết nghĩ עַמִּית nên được dịch là “người lân cận”.

muốn diễn tả tâm tình, ước muốn tha thiết của một Vị Thiên Chúa đang cố gắng tái thiết những tương quan đã đổ vỡ của dân Người.

Việc không làm thiệt hại người khác cũng bao hàm việc giữ những luật trong tương quan với thiên nhiên vào năm toàn xá, một sự mở rộng của ngày và năm sa-bát kính Đức Chúa. Bởi lẽ, để không làm thiệt hại nhau, con cái Ít-ra-en sẽ phải tuân thủ việc không gặt những cây lúa tự nhiên mọc, không hái những chùm nho không cắt tỉa (c. 11) nhưng để những thứ đó cho người khác cần đến nó. Thậm chí, trong năm toàn xá, bất kỳ ai sống trong đất mà Chúa đã hứa ban cho Ít-ra-en, bất luận là chủ, tớ, hay khách tạm trú đều có thể hưởng dùng hoa lợi tự nhiên từ ruộng đồng một cách bình đẳng (c. 12).¹⁸ Đó có thể là lý do mà ở câu 17, Thiên Chúa chỉ cần nhắc nhở cách tương quan của mỗi con cái Ít-ra-en với người khác mà không cần nhắc lại cách hành xử của dân với thiên nhiên.

Suy cho cùng, năm toàn xá trong bản văn chúng ta đang tìm hiểu này trở nên tiêu chuẩn chi phối tương quan của dân Ít-ra-en. Tiêu chuẩn ấy lại được đặt nền trên sự kính sợ Thiên Chúa. Có thể nói, Thiên Chúa trở thành trung tâm điểm để chi phối mọi tương quan của con cái Ít-ra-en, ngay cả tiêu chuẩn để xác định hành vi trong các tương quan ấy. Do đó, ở vế sau của câu 17 này, Thiên Chúa tha thiết nhắc nhở con cái Ít-ra-en phải biết kính sợ Người, Đấng đã cứu thoát dân khỏi cảnh nô lệ ở Ai-cập và ký kết giao ước với họ để họ trở thành dân của Người và Người là Thiên Chúa của họ. Hơn nữa, việc kính sợ Thiên Chúa còn là dấu chứng cho thấy con cái Ít-ra-en ý thức được Thiên Chúa mới thực sự là chủ tể của mọi loài. Đây cũng là lời nhắc lại điều luật đầu tiên và quan trọng nhất trong mười điều mà Thiên Chúa đã ban cho dân trên núi Si-nai. Đồng thời, câu 17 này đã chỉ ra điều cốt lõi chi phối mọi tương quan của con cái Ít-ra-en trong năm toàn xá. Đó là lòng kính sợ Thiên Chúa. Việc tuân giữ luật của Thiên Chúa thể hiện được lòng quy thuận, kính sợ Thiên Chúa của dân Ít-ra-en. Nói như thần học gia Matthew Henry, “lòng kính sợ Chúa sẽ ngăn cản con cái Ít-ra-en để họ không làm điều gì phương hại cho người anh em mình.”¹⁹

Năm Toàn Xá Xưa – Giá Trị Sống Hôm Nay

Có thể nói, năm toàn xá là thời gian thánh để con cái Ít-ra-en thể hiện lòng kính sợ đối với Thiên Chúa. Trong đó, Thiên Chúa trở nên trung tâm chi phối các mối tương quan của dân và đem lại cho họ sự tự do của những người được chính Ngài giải thoát khỏi nô lệ ở Ai Cập. Vì lòng kính sợ Thiên Chúa mà dân tuân giữ lề luật Chúa truyền dạy cho họ, và nhờ đó mà họ được thánh hóa. Truyền thống Công giáo cũng kế thừa ý nghĩa đặc biệt này của năm toàn xá. Hơn nữa, ý nghĩa ấy còn được nâng lên ở một tầm mức mới, tức là ý nghĩa của việc con người được Chúa Ki-tô cứu chuộc khỏi nô lệ cho tội và nhờ Ngài mà có lại vị thế tự do của con cái Thiên Chúa.

Theo nghĩa đó, năm toàn xá đối với người Công Giáo là thời gian đặc biệt để thực hành điều Giáo Hội truyền dạy với lòng yêu mến Thiên Chúa, mà qua đó họ được Thiên Chúa tuôn tràn

¹⁸ x. C.F. Keil & F. Delitzsch, *Commentary on the Old Testament* (Albany, New York: Logos Library System, 1999), 906, Ages Software.

“The meaning is, that what grew of itself was not to be reaped by the owner of the land, but that masters and servants, labourers and visitors, cattle and game, were to eat thereof away from the field (cf. v. 12).”

¹⁹ Matthew Henry, “Genesis – Deuteronomy”, in *Matthew Henry’s Commentary on The Whole Bible 1* (Grand Rapids, Michigan: Christian Classics Ethereal Library, 2000), 1182.

“The fear of God reigning in the heart would effectually restrain them from doing any wrong to our neighbour in word or deed.”

ân sủng.²⁰ Người tín hữu được mời gọi dành riêng thời gian ấy cho Thiên Chúa và thực thi bác ái để thể hiện lòng mến của mình đối với Ngài. Nói cách khác, trong năm thánh này các tín hữu Công giáo được mời gọi để Chúa là trung tâm cuộc đời mình và sống trọn vẹn những giá trị của Tin Mừng, mến Chúa-yêu người. Như thế, tin vui cứu độ được công bố cho tất cả mọi người, mọi dân qua tiếng vang của Tin Mừng (1 Cr 15,52; 1 Th 4,16; Mt 24,31) chứ không chỉ là tiếng tù và xưa kia nữa.

Khi dành trọn vẹn thời gian để thờ phượng, ngợi khen, phụng sự Thiên Chúa, vì lẽ đó mà con người được dựng nên, thì người Công Giáo cũng đồng thời được thúc đẩy sống thái độ yêu thương với những thụ tạo khác quanh mình. Thực vậy, không chỉ dừng lại ở việc giữ luật công bình với người anh em cùng dân tộc như luật Do Thái xưa, người tín hữu Công Giáo được mời gọi mở lòng ra với tất cả những người quanh mình, quan tâm chăm sóc họ, nhất là những người đang trong tình cảnh khó khăn và cần giúp đỡ. Bởi lẽ, dân của Giao ước Mới không còn là một dân cụ thể nhưng là muôn dân trên hoàn cầu (x. Mt 28,20; Lc 24,47; Ga 12,32). Trong dân ấy, mọi người đều được sống xứng đáng với nhân phẩm và vị thế là anh em của Chúa Giê-su. Bên cạnh đó, người tín hữu ấy còn được thôi thúc chăm sóc thiên nhiên như môi trường sống chung của mọi người. Điều đó thể hiện được thái độ sống công bình với người xung quanh. Việc quý trọng thiên nhiên cũng thể hiện lòng mến yêu của người Công giáo đối với Thiên Chúa, Đấng đã yêu thương tạo dựng nên họ và mời gọi họ đi vào tương quan tình yêu cá vị với Ngài.

Hơn nữa, nếu năm toàn xá là thời gian để con cái Ít-ra-en trở về với phần sở hữu và với dòng họ của mình thì năm toàn xá của người Công giáo là thời gian trở về cùng tương quan cá vị với Thiên Chúa nhờ bí tích Giao Hòa. Thực vậy, tương quan hài hòa của con cái Ít-ra-en với Thiên Chúa và với thụ tạo khác khi trung tín giữ luật thánh chỉ dừng lại ở mức tự nhiên như trong thời gian con người ở vườn Địa Đàng. Hơn hẳn thế, nhờ bí tích Hòa Giải mà Đức Ki-tô thiết lập, con người được trở về với tình trạng tự do và sống tương quan tình yêu cá vị với Thiên Chúa. Đồng thời, vì lòng mến Chúa thúc đẩy, người Công giáo còn sống tình bác ái với nhau trong vị thế anh em cùng con một Cha; rồi từ đó, họ chăm sóc thiên nhiên chung như món quà bác ái dành tặng cho nhau.

Bên cạnh đó, đoạn Lv 25,8-17 cho chúng ta thấy qua bầu khí thánh của năm toàn xá, điều Thiên Chúa muốn không chỉ là việc con cái Ít-ra-en tuân giữ luật Ngài ban nhưng còn là tinh thần sống những điều luật ấy. Tương tự, trong bầu khí của lòng yêu mến Thiên Chúa, người tín hữu Công giáo được mời gọi không chỉ dành thời gian riêng cho Chúa và để Ngài làm trung tâm đời mình trong thời gian năm toàn xá, nhưng còn luôn giữ tinh thần ấy mỗi ngày sống. Nhờ để Chúa làm trung tâm đời mình, người tín hữu được thánh hóa, được gần với Thiên Chúa và nên thánh. Chính vì thế mà người Công giáo được mời gọi chìm sâu vào trong bầu khí vui tươi, hạnh phúc khi được giữ những điều luật Chúa ban. Đó là ước mong từ thuở ban đầu của Thiên Chúa khi tạo dựng nên con người giống hình ảnh của Ngài.

²⁰ x. Gerald O' Collins and Edward G. Farrugia, *A Concise Dictionary of Theology* (NewYork: Paulist Press, 2000), 128.

“Năm 1300, Đức Giáo hoàng Bonifacio VIII đã công bố khai mạc năm toàn xá, một năm thánh mở ra nhiều ơn ích thiêng liêng cho các tín hữu khi hành hương tới Rô-ma và thực hành nghi lễ tôn giáo (vd: xưng tội, viếng Đền Thánh, ...). Ban đầu, cứ 100 năm mới cử hành 1 năm thánh. Dần dần, thời gian này được rút xuống còn 50 năm. Từ năm 1470, tập tục tổ chức năm thánh là cứ 25 năm một lần. Tuy nhiên, các Đức Giáo hoàng có thể tuyên bố năm thánh ngoại thường vào một số thời điểm, chẳng hạn năm 1933 để kỷ niệm 1900 năm ngày Chúa Cứu chuộc loài người...”

Kết Luận

Đoạn Lv 25,8-17 ghi lại những điều luật thánh thiện trong năm toàn xá. Trong đó, Thiên Chúa mong muốn con cái Ít-ra-en dành thời gian cách riêng để sống những giá trị công bình mà Thiên Chúa mời gọi. Đó phải là khoảng thời gian sống tinh thần “sa-bát trọn vẹn” dành cho Thiên Chúa để thể hiện lòng kính sợ Ngài. Trong thời gian này, con cái Ít-ra-en được trở về với phần sở hữu và dòng tộc của những con người được Thiên Chúa giải thoát và ban cho tự do. Hơn nữa, những giá trị sống mà Thiên Chúa mời gọi ấy tác động trên mọi tương quan của dân và biến đổi chúng trở nên hài hòa. Cuối cùng, tinh thần của năm toàn xá được giáo hội Công Giáo thừa hưởng và được nâng lên một giá trị mới, giá trị của những người được giải thoát khỏi tội lỗi và được ban vị thế của người con cái Thiên Chúa trong Đức Ki-tô. Tinh thần ấy không chỉ được mời gọi sống trong năm toàn xá mà còn mở rộng đến mọi thời gian khác trong đời sống người tín hữu.

Tài liệu tham khảo

- A. Clarke (1999). Lv 25:8, Leviticus, in *Clarke's Commentaries*. Albany, NewYork: Logos Library System, Ages Software.
- C. Simeon (1832). Genesis to Leviticus, in *Horae Homileticae 1*. London: Samuel Holdsworth, 669.
- C.F. Keil & F. Delitzsch (1999). *Commentary on the Old Testament*. Albany, NewYork: Logos Library System, 906.
- Gerald O' Collins and Edward G. Farrugia (2000). *A Concise Dictionary of Theology*. NewYork: Paulist Press, 128.
- George Angus Fulton Knight (2001). Leviticus, in *The Daily Study Bible Series*. Louisville: Westminster John Knox Press, 152.
- J. Wesley (1999). Leviticus, in *Wesley's Notes*. Albany, NewYork: Logos Library System, Ages Software.
- John H. Sailhamer (1992). *The Pentateuch as Narrative: A Biblical Theological Commentary*. Michigan: Zondervan, 361.
- J. E. Hartley (2002). Leviticus, in *Word Biblical Commentary*. Dallas: Word Incorporated, 418.
- Matthew Henry (2000). Genesis – Deuteronomy, in *Matthew Henry's Commentary on The Whole Bible 1*. Grand Rapids, Michigan: Christian Classics Ethereal Library, 1182.
- Nguyễn Công Đoan (2017). Sự Công Bằng Về Đất Đai Trong Cựu Ước, trong *Hợp Tuyển Thần Học 51*. Hà Nội: Tôn Giáo, 167-168.
- Robert Jamieson (1871). Leviticus, in *Commentary Critical and Explanatory on the Whole Bible*. Grand Rapids: Christian Classics Ethereal Library, 368.
- Richard S. Hess (2008). Leviticus, in *The Expositor's Bible Commentary 1*, edited by Tremper Longman III and David Garland. Michigan: Zondervan, 850.

Biodata

Giuse-Tuân Vũ Chí Thành, S.J. là tu sĩ Dòng Tên, Việt Nam. Vũ Chí Thành hiện đang là sinh viên Thần học Năm I tại Học Viện Thánh Giuse Dòng Tên, Việt Nam.

Joseph-Tuan Vu Chi Thanh is a Vietnamese Jesuit. Vu Chi Thanh is a first-year theology student at Saint Joseph Jesuit Scholasticate, Vietnam.